

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

I . THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Đơn vị: Quỹ Phát triển đất tỉnh Bình Dương

Quỹ Phát triển đất tỉnh Bình Dương là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy thác sang Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương quản lý theo Quyết định số 3088/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ngày 13/10/2010, nhằm mục đích tiếp nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Quỹ được sử dụng con dấu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Dương để giao dịch.

Tên cơ quan cấp trên trực tiếp: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

Thuộc đơn vị dự toán cấp 1: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Loại hình đơn vị:

04. Đơn vị sự nghiệp công lập do Ngân sách nhà nước cấp kinh phí.

Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị

Theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 15/05/2010 của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ chính của Quỹ là:

- Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá;
- Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch;
- Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất;
- Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu;
- Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi;
- Thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao.

II . CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo hướng dẫn của Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán trong suốt các kỳ kế toán được trình bày trên Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Quỹ đã được Ban giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 18 tháng 03 năm 2025.

III . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1 . Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi kho bạc	256.847.109.914	293.943.998.805
Tiền gửi ngân hàng	416.035.140	104.095.353
	257.263.145.054	294.048.094.158

2 . Các khoản phải thu khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Phải thu lãi tiền gửi	109.025.007	761.402.832
- Phải thu khác (*)	48.954.415.986	14.142.513.323
	49.063.440.993	14.903.916.155

(*) Ứng vốn cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi.

3 . Nợ phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải nộp nhà nước	92.790.020	624.693.564
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	92.790.020	624.693.564
	92.790.020	624.693.564

4 . Nguồn vốn kinh doanh

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Do NSNN cấp	305.828.542.496	305.828.542.496
	305.828.542.496	305.828.542.496

5 . Biến động của nguồn vốn

	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế	Cộng
	VND	VND
Số dư đầu năm trước	15.546.315.352	15.546.315.352
Thặng dư trong năm trước	36.840.073.173	36.840.073.173
Chuyển lợi nhuận về NSNN	(49.887.614.272)	(49.887.614.272)
Số dư cuối năm trước	2.498.774.253	2.498.774.253
Thặng dư trong năm nay	1.171.356.697	1.171.356.697
Chuyển lợi nhuận về NSNN	(3.264.877.419)	(3.264.877.419)
Số dư cuối năm	405.253.531	405.253.531

IV . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**1 . Hoạt động hành chính, sự nghiệp****1.1 Doanh thu**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	34.584.416	1.463.434
- <i>Phân bổ cho hoạt động thường xuyên</i>	34.584.416	1.463.434
	34.584.416	1.463.434

1.2 Chi phí

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí hoạt động thường xuyên	20.962.500	31.702.436
- <i>Chi phí hoạt động khác</i>	20.962.500	31.702.436
	20.962.500	31.702.436

2 . Hoạt động tài chính**2.1 Doanh thu**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.442.050.593	46.079.964.610
	1.442.050.593	46.079.964.610

3 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	284.315.812	9.209.652.435
	284.315.812	9.209.652.435

V . THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC**1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Quý Phát triển đất tỉnh Bình Dương Báo cáo tài chính
Số 26 đường Lê Duẩn, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2 . Thông tin thay đổi so với báo cáo tài chính năm trước

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán hành chính, sự nghiệp để so sánh với số liệu năm nay như sau:

Mã số (1)	Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC		Thay đổi (7) = (6) - (5)
	Khoản mục (2)	Số tiền (3)	Mã số (4)	Khoản mục (5)	
	a) Bảng Cân đối kế toán			a) Báo cáo tình hình tài chính	
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	294.048.094.158	01	Tiền	294.048.094.158
111	Tiền	294.048.094.158			
120	Các khoản đầu tư	14.142.513.323			
122	Cho vay	14.142.513.323			
122a	Cho vay	14.142.513.323			
130	Các khoản phải thu	761.402.832	10	Các khoản phải thu	14.903.916.155
131	Phải thu của khách hàng	761.402.832	14	Các khoản phải thu khác	14.903.916.155
131a	Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	761.402.832			
100	A. TÀI SẢN	308.952.010.313	50	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	308.952.010.313
220	Các khoản phải trả	624.693.564	60	Nợ phải trả	624.693.564
224	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	624.693.564	68	Nợ phải trả khác	624.693.564
300	Vốn chủ sở hữu	308.327.316.749	70	Tài sản thuần	308.327.316.749
310	Vốn chủ sở hữu	308.327.316.749			
311	Vốn góp của chủ sở hữu	305.828.542.496	71	Nguồn vốn kinh doanh	305.828.542.496
316	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.498.774.253	72	Thặng dư lũy kế	2.498.774.253
316b	LNST chưa phân phối năm nay	2.498.774.253			
330	Tổng cộng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	308.952.010.313	80	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	308.952.010.313

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Quý Phát triển đất tỉnh Bình Dương
Số 26 đường Lê Duẩn, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC

Thay đổi

Số liệu theo Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mã số (1)	Khoản mục (2)	Số tiền (3)	Mã số (4)	Khoản mục (5)	Số tiền (6)	(7) = (6) - (3)
01	b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	1.463.434	01	Doanh thu	1.463.434	-
02	Thu nhập lãi thuần	1.463.434	04	Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	1.463.434	-
16	Doanh thu thuần lãi cho vay	31.702.436	05	Chi phí	31.702.436	-
	Chi phí hoạt động kinh doanh		06	Chi phí hoạt động	31.702.436	
			09	Thặng dư/ thâm hụt	(30.239.002)	
13	Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	46.079.964.610		Hoạt động tài chính	46.079.964.610	-
14	Doanh thu từ hoạt động tài chính	46.079.964.610	20	Doanh thu	46.079.964.610	
			22	Thặng dư	46.079.964.610	
20	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro cho vay	46.049.725.608				
40	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.049.725.608				
50	Chi phí thuế TNDN	9.209.652.435	40	Chi phí thuế TNDN	9.209.652.435	-
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.209.652.435				
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	36.840.073.173	50	Thặng dư trong năm	36.840.073.173	-

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Quý Phát triển đất tỉnh Bình Dương
Số 26 đường Lê Duẩn, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC

Số liệu theo Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023


Mã số	Khoản mục	Số tiền	Mã số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (6) - (3)
02	c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(31.702.436)	12	c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(31.702.436)	-
06	Thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	55.542.870.371	04	Tiền thu từ nguồn phí, lệ phí	52.666.937	-
19	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11.300.000.000	22	Tiền thu từ các khoản đầu tư	66.790.203.434	-
18	Thuế TNDN đã nộp	(12.852.212.512)	13	Tiền chi khác	(12.852.212.512)	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	53.958.955.423	20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính	(12.831.248.011)	-
42	Tiền trả lại vốn góp cho chủ sở hữu	(1.600.000.000.000)	34	Tiền hoàn trả vốn góp	(1.600.000.000.000)	-
43	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(49.887.614.272)	35	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(49.887.614.272)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.649.887.614.272)	40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.649.887.614.272)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.595.928.658.849)	50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.595.928.658.849)	-
70	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.889.976.753.007	60	Số dư tiền đầu năm	1.889.976.753.007	-
80	Tiền và tương đương tiền cuối năm	294.048.094.158	80	Số dư tiền cuối năm	294.048.094.158	-

Người lập biểu



Đỗ Minh Đức

Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng

Bình Dương, ngày 18 tháng 03 năm 2025



Nguyễn Ngọc Huân